

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 209/NQ-HĐND ngày 24/03/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương về chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt;

Xét Văn bản số 9279/STNMT-BVMT ngày 6/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1454/Tr-STNMT ngày 02/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Quảng Chính (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao
thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện
Quảng Xương

Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt
của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt.

- Địa điểm thực hiện: Xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương.

+ Đại diện: (Ông) Mai Đình Thủy Chức vụ: Giám đốc ban.

+ Địa chỉ liên hệ: Khu phố 1, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

+ Số điện thoại: 0919592999

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. *Phạm vi dự án:* Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích 62.891,61m², thuộc địa giới hành chính xã Quảng Chính; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Đất dân cư hiện trạng;

- Phía Nam giáp: Đất nông nghiệp;

- Phía Đông giáp: Đất dân cư hiện trạng;

- Phía Tây giáp: Khu dân cư hiện trạng và Quốc lộ 1A;

b. *Quy mô, công suất dự án:*

Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, điện sinh hoạt hoàn chỉnh.

Quy mô sử dụng đất của dự án là 62.891,61m², trong đó:

+ Đất ở tái định cư (liền kề): 23.426,63m² xây dựng 190 lô nhà chia lô quy mô từ 2-5 tầng.

+ Đất ở biệt thự: 16.910,11 m² xây dựng 60 lô biệt thự quy mô từ 1-3 tầng.

+ Đất nhà sinh hoạt công cộng: 660 m², quy mô 01 tầng.

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng: 1.911,85 m².

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 36.893,13m².

- Quy mô dân số: Khoảng 760 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. Giải phóng mặt bằng:

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 62.891,61m².

b. Thiết kế san nền:

San nền bổ sung các vị trí trũng, thấp để đảm bảo cao độ khớp nối phù hợp với các tuyến giao thông theo quy hoạch; cao độ thiết kế san nền tại các lô đất không chế từ +2,5m đến +2,75m.

c. Giao thông:

Toàn bộ phần đầu tư trong giai đoạn này có 9 tuyến đường có tổng chiều dài L = 1482,5 m;

- Tuyến 1: chiều dài L=86.72m
- Tuyến 2: chiều dài L=147.72m
- Tuyến 3: chiều dài L= 131.19m
- Tuyến 4: chiều dài L= 97.83m
- Tuyến 5: chiều dài L= 81.04m
- Tuyến 6: chiều dài 177.83m
- Tuyến 7: chiều dài L=367.74m
- Tuyến 8: chiều dài L=118.55m
- Tuyến 9: chiều dài L=273.88m

d. Hạng mục cấp nước

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng hở.
- Mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D50:-D110. Trên mạng dịch vụ này được quy hoạch thành mạng hở, tại những điểm đầu nối với đường ống thuộc mạng phân phối đều có van khóa không chế.
- Mạng ống cấp được không chế bởi các tê, cút, van khoá.
- Ống cấp nước dịch vụ đầu vào ống cấp nước chính phải có đai khởi thủy.
- Ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE, áp lực làm việc PN = 8 bar.
- Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.
- Dưới các phụ kiện van, tê, cút của tuyến ống chính cần đặt các gối đỡ bê tông.
- Mạng lưới đường ống cấp nước cứu hoả là mạng lưới chung kết hợp với cấp nước sinh hoạt, dịch vụ.

e. Hạng mục thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống cống bê tông cốt thép D300, D600 bố trí dọc tuyến giao thông nội bộ khu vực có độ dốc $i \geq 0,1\%$ thoát ra tuyến mương nội đồng khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải được xử lý sơ bộ qua các công trình xử lý do các hộ dân tự xây dựng bao gồm bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ sau đó chảy về thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite với công suất $120\text{m}^3/\text{ngày}$. Đem đặt ngầm tại vị trí khuôn viên cây xanh phía Đông dự án để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B), sau đó thoát ra mương hiện trạng phía Đông dự án. Toạ độ điểm đầu nối thoát nước thải là: $X = 2171653$; $Y = 583697$ (m).

g. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

Tuyến điện trung áp dịch chuyển thiết kế theo cấp điện áp 22KV và đi ngầm theo vỉa hè. Cấp hạ thế từ các trạm biến áp đi ngầm trên vỉa hè. Các nhà tủ gom công tơ bố trí ngoài trời trên vỉa hè. Vị trí tủ gom công tơ được bố trí trên vỉa hè trên cột bê tông treo dây điện nằm ở vị trí giáp giữa 2 nhà. Trong các tủ bố trí các aptomat nhánh bảo vệ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ với diện tích $58.709,69\text{m}^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công:

- Giải phóng mặt bằng, phá dỡ hiện trạng khu vực dự án.
- Thi công san nền khu vực dự án.
- Thi công hệ thống giao thông khu vực dự án.
- Thi công hệ thống thoát nước khu vực dự án.
- Thi công hệ thống cấp nước khu vực dự án.
- Thi công cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành:

- Thi công các công trình nhà ở.
- Sinh hoạt của người dân khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

a. Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $5,5\text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân $2,75\text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ quá trình vệ sinh $2,45\text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ hoạt động ăn uống $0,3\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa xe khoảng $4,1\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công $120,65\text{ lit/s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2 .

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám và từ lớp Mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2 .

c. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55 kg/ngày , chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật: $44,03\text{ tấn}$.

- Khối lượng phá dỡ hiện trạng: $918,77\text{ tấn}$.

- Tổng khối lượng đất bóc đất hữu cơ, bùn nạo vét là: $7.494,02\text{m}^3$.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rơi vãi như cát, đá dăm,...: $113,8\text{ tấn}$.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại...: $75,02\text{ tấn}$.

d. Chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 10 kg/tháng .

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh chủ yếu là dầu thải có khối lượng khoảng $356\text{ lít/ toàn bộ quá trình thi công}$.

e. Tác động do, tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

a. Nước thải:

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng $317,69\text{ lit/s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt là $100,32\text{m}^3/\text{ngày}$: Nước thải vệ sinh: $33,74\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải ăn uống: $18,24\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải tắm giặt:

48,34m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, dầu mỡ...

b. Bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

c. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân khoảng 684 kg/ngày.đêm. Trong đó: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: 136,8 kg/ngày.đêm; chất thải thực phẩm là 478,8 kg/ngày.đêm; chất thải rắn sinh hoạt khác (bao gồm chất thải có khả năng đốt thu hồi năng lượng như lá cây, tranh ảnh, gỗ... và chất thải tro như thủy tinh, sành...) khối lượng là 68,4 kg/ngày.đêm.

- Chất thải rắn các công trình công cộng bao gồm lá cây, đất, cát...có khối lượng khoảng 152 kg/ngày.

d. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 6,84 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

a. Nước thải:

** Nước mưa chảy tràn:*

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, nạo vét các tuyến kênh mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt không gây ngập úng.

- Che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn, hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 50m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = 0,4x0,5(m); các hố gas tạm có kích thước dxxrxc = 0,8x0,8x0,8(m).

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

** Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân có lưu lượng $2,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$ → Hồ lắng tạm 3 m^3 kích thước: $2,0 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$ (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) để chống thấm) → Mương thoát nước của khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải vệ sinh lưu lượng $2,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$: Xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động (Bể chứa chất thải: 500 lít; Bể chứa nước dự trữ: 400 lít). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) đem đi xử lý.

- Đối với nước thải từ ăn uống có lưu lượng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$: thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hồ tách dầu mỡ có kích thước $1 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$ → Hồ lắng tạm 3 m^3 (hồ lắng nước thải tắm rửa, giặt giũ) → Mương thoát nước của khu vực phía Đông dự án.

** Nước thải xây dựng:*

- Nước thải rửa xe khoảng $4,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ → Hồ lắng tạm $6,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2,0 \text{ m} \times 2,0 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$), dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm → Mương thoát nước chung của khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải rửa dụng cụ thi công khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ → 01 hồ lắng tạm $6,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2,0 \text{ m} \times 2,0 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) cùng với nước thải rửa xe (bố trí gần cổng ra vào dự án), sau đó thải ra mương thoát nước của khu vực phía Đông dự án.

b. Bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,... theo quy định (số lượng 200 bộ), bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Thực hiện phát quang đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó để tránh phát tán bụi và mùi gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày (từ 7h-8h, từ 11h-12h, từ 16h30-17h30), bằng cách chia ca tan làm cách nhau 10 phút.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (tuyến quốc lộ 1A và các tuyến đường dân sinh khác) khi thấy có đất, cát vương vãi.

- Phun nước làm ẩm, giảm bụi với tần suất 03 lần/ngày trong những ngày vận chuyển nguyên vật liệu, tần suất phun tưới nước tăng lên 04 lần/ngày nếu bụi xuất hiện nhiều trên tuyến đường vận chuyển.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát sinh bụi từ khí thải.

- Lắp dựng rào tôn xung quanh khu vực thi công dự án để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án và các khu vực xung quanh, $L \times H = 1.500 \times 2,5 \text{ (m)}$;

c. Chất thải rắn thông thường:

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn: Rác thải sinh hoạt có thể tái chế và rác thải sinh hoạt không tái chế.

- Chất thải rắn sinh hoạt không thể tái chế thu gom riêng vào các thùng 50 lít (04 thùng), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 01 lần/ngày; chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 120 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

** Chất thải rắn xây dựng:*

+ Đối với thảm phủ thực vật có khối lượng khoảng 44,03 tấn: người dân xung quanh dự án thu hoạch trước khi thực hiện dự án và tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với chất thải từ quá trình phá dỡ hiện trạng (gồm gạch, đá, bê tông...) khoảng 918,77 tấn: Chủ đầu tư sử dụng máy nghiền bê tông để làm nhỏ kích thước bê tông, đá, gạch ... trước khi tận dụng đưa vào các lô đất trong khu vực dự án.

+ Đối với cát, đá rơi vãi có khối lượng khoảng 113,8 tấn (trong toàn bộ quá trình thi công), thực hiện thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

+ Đối với loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng có khối lượng khoảng 75,02 tấn...thu gom với tần suất 01 lần/ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với đất bóc hữu cơ có khối lượng 7.494,02 m³, thành phần chủ yếu là nước (chiếm tới 50%) sau khi nạo vét tập kết thành từng khu vực cao 1-1,5m để ráo (tách) nước tự nhiên, khối lượng bùn sau tách nước giảm khoảng 70%, lượng bùn vét thực tế sau tách nước khoảng 2.248,2m³ tận dụng đắp vào khu vực đất trồng cây xanh công cộng.

d. Chất thải nguy hại

Trang bị 03 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom (trong đó 02 thùng chứa dầu nhớt thải và 01 thùng chứa chất thải rắn nguy hại). Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và đặt trong nhà kho diện tích khoảng 10m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

4.2. Giai đoạn vận hành

a. Nước thải:

** Nước mưa chảy tràn:*

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bằng hệ thống cống thoát nước nội bộ D300-D600 dẫn ra mương hiện trạng phía Đông khu đất dự án.

+ Các hố ga thiết kế theo loại hộp giữ nước và có lưới chắn rác, nắp và lưới chắn rác sử dụng bằng gang đúc sẵn tạo mỹ quan.

- *Trách nhiệm của UBND xã Quảng Chính:*

+ Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

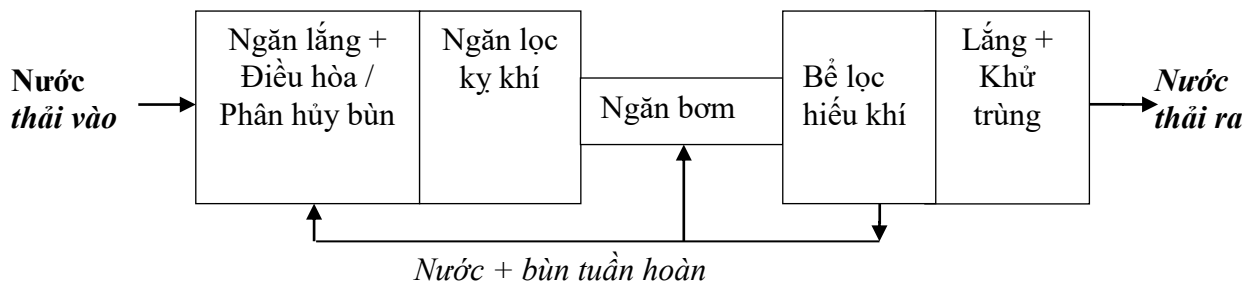
+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

** Nước thải sinh hoạt:*

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải, đặt sẵn các vị trí chờ đấu nối tại mỗi hộ gia đình để sau này các hộ gia đình vào đầu tư sẽ đấu nối vào đường ống chờ này và thoát nước vào hệ thống thoát nước chung theo định hướng quy hoạch.

+ Xây dựng hoàn chỉnh thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite với công suất 120 m³/ngày.đem đặt ngầm tại vị trí công viên cây xanh phía Đông dự án để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sau khi xử lý sơ bộ. Nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), chảy ra mương thoát nước chung của khu vực phía Đông dự án (Toạ độ điểm đầu nối thoát nước thải: X = 2171653; Y = 583697). Sơ đồ xử lý của thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite như sau:



Sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung của huyện được xây dựng, chủ đầu tư sẽ thực hiện đấu nối nước thải vào trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch và dùng vận hành thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

Các hộ dân tự xây dựng bể tách dầu mỡ dung tích 1m³ và bể tự hoại dung tích 3m³ để xử lý sơ bộ nước thải trước khi đấu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng để đưa về thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của dự án.

- *Trách nhiệm của UBND xã Quảng Chính:*

+ Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung định kỳ (6 tháng/lần) chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của thiết bị XLNT hợp khối tại chỗ.

+ Đưa ra quy định và yêu cầu các hộ gia đình vào đầu tư xây dựng phải cam kết không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,...vào hệ thống thoát nước.

b. Về bụi, khí thải

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Thiết kế hệ thống cây xanh dọc theo các tuyến giao thông nội bộ, trồng phân tán các loại cây có tán rộng, thân thẳng, trổ hoa đồng loạt và theo mùa tạo nét văn hóa đặc trưng riêng cho khu dân cư.

+ Quy định rõ ràng, cụ thể về việc tuân thủ các công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng của các hộ dân.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng betong, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- Trách nhiệm của UBND xã Quảng Chính:

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực dọc tuyến đường nội bộ của khu dân cư; kiểm tra hệ thống thu gom, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Phun nước tưới đường giao thông nội bộ khu dân cư, đoạn ra vào khu dân cư nhằm giảm bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Khuyến khích các hộ gia đình trồng cây xanh nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

+ Tuyên truyền người dân sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện,... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà, trồng cây xanh trong khuôn viên khu đất nhằm điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan môi trường;

+ Khuyến khích hộ dân lắp đặt hệ thống hút mùi tại khu vực nhà bếp, tắt các phương tiện giao thông của cá nhân khi không cần thiết;

+ Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

c. Chất thải rắn thông thường, CTNH:

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Các hộ gia đình phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh thành 4 loại: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải tro; chất thải nguy hại trong sinh hoạt. Bố trí thiết bị chứa chất thải thực phẩm đảm bảo kín, không rò rỉ ra môi trường. Thu gom chất thải tro, chất thải nguy hại trong sinh hoạt bỏ vào các thiết bị chứa do UBND xã bố trí.

+ Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết CTRSH, CTNH đúng nơi quy định; không được vứt CTRSH, CTNH ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức

đoàn thể phát động.

+ Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

+ Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý CTRSH, CTNH.

+ Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTNH; các vi phạm đối với Quy định này đến UBND cấp huyện.

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng khu vực tập kết chất thải tạm thời với diện tích khoảng 20m² gần với khu vực trồng cây xanh để tập kết chất thải tạm thời. Khu vực tập kết tạm thời có mái che và hệ thống rãnh thu gom, hố gas thu nước nước (dẫn về hệ thống thoát nước thải, sau đó dẫn về thiết bị xử lý nước thải tập trung xử lý) để hạn chế nước mưa gây ảnh hưởng đến chất thải rắn tạm thời tại khu vực dự án.

- *Trách nhiệm của UBND xã Quảng Chính.*

+ Cung cấp các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành liên quan đến CTR, CTNH cho các hộ gia đình; có chương trình, kế hoạch cụ thể trong việc nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho người dân toàn khu dự án biết trước khi triển khai.

+ *Bố trí 02 thùng nhựa loại 500 lít màu đen để chứa CTNH rắn và lỏng riêng biệt; có dán nhãn và chỉ dẫn “chất thải nguy hại” bên ngoài thùng, thùng có nắp đậy kín đặt tại nhà văn hóa của dự án để thu gom CTNH từ hoạt động của các gia đình.*

+ Trang bị 02 xe chứa CTR có dung tích 0,5m³/xe đặt tại điểm tập kết CTR; Trang bị 30 thùng đựng rác loại 240 lít (kích thước D_xR_xH = 57,5x72x101 cm) đặt tại khuôn viên cây xanh.

+ Tổ chức dịch vụ thu gom hoặc hợp đồng thuê đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đem đi xử lý với tần suất 01 ngày/lần. Thuê đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh khu vực cây xanh, công viên của dự án.

+ Bố trí 03 thiết bị thu gom chất thải trợ để người dân phân loại bỏ vào, đặt dọc tuyến đường giao thông tuyến số 2, tuyến số 7 và tuyến số 9.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.